

Số: 68/2025/QĐST-HNGĐ

Gia Lai, ngày 24 tháng 12 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án tranh chấp Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 83/2025/TLST-HNGĐ ngày 09/10/2025 về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung”, giữa:

- Nguyên đơn: Chị A Mên, sinh năm: 1993. Địa chỉ: Thôn O Ngó, xã Ia Băng, tỉnh Gia Lai. Số CCCD: 064193002540, cấp ngày 13/01/2021.

- Bị đơn: Anh Djung, sinh năm: 1990. Địa chỉ: Thôn O Ngó, xã Ia Băng, tỉnh Gia Lai. Số CCCD: 064090003353, cấp ngày 25/4/2021.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 16 tháng 12 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 12 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị A Mên, sinh năm 1993 và anh Djung, sinh năm 1990.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về hôn nhân: Chị A Mên, sinh năm 1993 (là nguyên đơn) và anh Djung, sinh năm 1990 (là bị đơn) là vợ chồng, có đăng ký kết hôn vào ngày 08/10/2012 tại UBND xã Ia Băng, huyện Đak Đoa, tỉnh Gia Lai (nay là UBND xã Ia Băng, tỉnh Gia Lai). Nay nguyên đơn và bị đơn đều nhận thấy tình cảm vợ chồng đã mâu thuẫn đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên nguyên đơn và bị đơn tự nguyện ly hôn.

2.2. Về nuôi con chung: Trong thời kỳ hôn nhân chị A Mên và anh Djung có 03 con chung là Thắm - sinh năm 12/8/2012, Djum - sinh ngày 22/02/2016 và Djuên - sinh ngày 15/7/2018. Sau khi ly hôn, theo nguyện vọng của con trên 07 tuổi và theo thỏa thuận giữa chị A Mên và anh Djung về việc nuôi con chung, cụ thể như sau:

+ Giao cho chị A Mên nuôi 02 con chung là Thắm - sinh năm 12/8/2012 và Djuên - sinh ngày 15/7/2018 cho đến khi con thành niên hoặc đã thành niên mất

năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

+ Giao cho anh Djung nuôi 01 con chung là Djum - sinh ngày 22/02/2016 cho đến khi con thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

2.3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị A Mên và anh Djung không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

2.4. Về tài sản chung và nợ chung: Chị A Mên và anh Djung không yêu cầu giải quyết.

2.5. Về án phí:

Án phí thuận tình ly hôn là: 150.000 đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng), chị A Mên và anh Djung mỗi người phải chịu 75.000 đ (Bảy mươi lăm ngàn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Chị A Mên tự nguyện chịu thay án phí ly hôn cho anh Djung nên chị A Mên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi ngàn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí mà chị A Mên đã nộp là 300.000 đồng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0002991 ngày 08/10/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai. Hoàn trả cho chị A Mên số tiền tạm ứng án phí đã nộp còn thừa là 150.000 đồng.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND Khu vực 10, tỉnh Gia Lai;
- Phòng Thi hành án Dân sự Khu vực 10 – Gia Lai;
- Các đương sự;
- UBND xã Ia Băng, tỉnh Gia Lai
(đăng ký KH ngày 08/10/2012);
- Lưu hồ sơ, vp.

THẨM PHÁN

Đoàn Xuân Hòa

